



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

National Agency for Science and Technology Information

TUẦN TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHỌN LỌC

SỐ 67: 16/10-22/10/2017

MỤC LỤC

Tin tức sự kiện.....	1
Diễn đàn Nông dân Việt Nam lần thứ hai: Nông dân sẵn sàng cho nông nghiệp 4.0... 1	
Hội thảo “Rà soát hàng hóa nhóm 2 và văn bản quy phạm pháp luật về thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu”	4
Căn cứ xác định thời gian ưu đãi thuế, miễn giảm thuế cho dự án công nghệ cao.....	7
Tin khoa học	10
Hợp chất mới có thể tiêu diệt các tế bào ung thư mà không làm tổn thương các tế bào khỏe mạnh	10
Hạt nano kích hoạt ánh sáng tăng nạp cho kháng sinh	13
Phương pháp mới thúc đẩy protein cho ngô.....	15
Hợp tác công-tư phục vụ đổi mới sáng tạo nông nghiệp	17
Lâm Đồng sẽ có nhiều trang trại dùng công nghệ kết nối vạn vật IoT.....	21
Khoa học và công nghệ nội sinh	23
Nghiên cứu chọn tạo giống vải, nhãn năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ nội tiêu và xuất khẩu ở các tỉnh phía Bắc.....	23
Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo vào bảo tồn giống gà Hồ ở thôn Lạc Thổ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	26



Tin tức sự kiện

Diễn đàn Nông dân Việt Nam lần thứ hai: Nông dân sẵn sàng cho nông nghiệp 4.0



Ngày 14/10/2017, tại Hà Nội, Trung ương Hội nông dân Việt Nam phối hợp với Bộ NN&PTNT, Bộ Công Thương, Bộ KH&CN và Báo Nông thôn Ngày nay đã tổ chức Diễn đàn Nông dân Việt Nam lần thứ hai: Nông dân sẵn sàng cho nông nghiệp 4.0. Đây là một trong chuỗi hoạt động của Chương trình TỰ HÀO NÔNG DÂN VIỆT NAM.

(Theo NASATI) - Ngày 14/10/2017, tại Hà Nội, Trung ương Hội nông dân Việt Nam phối hợp với Bộ NN&PTNT, Bộ Công Thương, Bộ KH&CN và Báo Nông thôn Ngày nay đã tổ chức Diễn đàn Nông dân Việt Nam lần thứ hai: Nông dân sẵn sàng cho nông nghiệp 4.0. Đây là một trong chuỗi hoạt động của Chương trình TỰ HÀO NÔNG DÂN VIỆT NAM. Tham dự Diễn đàn có Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ, lãnh đạo các Bộ, ban, ngành, cùng các nông dân Việt Nam tiêu biểu.

Tại phiên khai mạc Diễn đàn, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ nhấn mạnh Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp. Cùng với đó, nỗ lực của người nông dân, doanh nghiệp đã giúp Việt Nam từ một nước nhập khẩu lương thực đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới. Để phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, Phó Thủ tướng cho biết Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII chỉ rõ định hướng “*xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu*”, tạo tiền đề cho việc triển khai cách mạng công nghiệp 4.0 trong nông nghiệp (nông nghiệp 4.0).

Theo Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với xu hướng phát triển trên nền tảng tích hợp cao của hệ thống kết nối số hóa - vật lý - sinh



NASATI

Tuần tin khoa học và công nghệ chọn lọc

Bản tin Số 67-2017

học với sự đột phá của internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi căn bản nền sản xuất của thế giới. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, nếu không có những thay đổi mạnh mẽ về khoa học và công nghệ, chúng ta sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức và tác động tiêu cực như tụt hậu về công nghệ, cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và suy giảm sản xuất, kinh doanh...

Nông nghiệp Việt Nam thời gian qua đã có sự tăng trưởng vượt bậc: Giá trị sản xuất và giá trị gia tăng đã tăng liên tục trong thời gian dài; sản lượng hàng hóa đang ngày càng lớn, xuất khẩu tăng trưởng cao, thu nhập và đời sống của người nông dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, sự tăng trưởng của nông nghiệp Việt Nam chủ yếu vẫn theo chiều rộng. Việc ứng dụng các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến dựa trên số hóa và kết nối tạo ra các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh còn rất ít. Tại Diễn đàn, các chuyên gia, doanh nghiệp, nhà quản lý và nông dân đã cùng nhau thảo luận về Lợi ích nông nghiệp 4.0; Gỡ rào cản về công nghệ, nhân lực cho nông nghiệp 4.0; Những thách thức từ thị trường, vốn đối với nông dân khi làm nông nghiệp 4.0. Diễn đàn là sự đối thoại giữa bốn nhà: nhà nông, người làm chính sách, chuyên gia và doanh nghiệp để trả lời những thắc mắc trên, đồng thời tìm hướng giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình ứng dụng nông nghiệp 4.0 vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

Nông nghiệp 4.0 đã giúp nền nông nghiệp của nhiều quốc gia phát triển và đạt những thành tựu quan trọng. Tại Mỹ, Brazil, Argentina, nông nghiệp 4.0 đã giúp nước này giảm tới 50% giá thành sản xuất ngô và đỗ tương. Tại Nhật Bản, chỉ với 2 triệu dân làm nông nghiệp (chiếm 1,5%) trong tổng số 127 triệu dân, canh tác trên 1,5 triệu ha đất nông nghiệp nhưng không phải nhập khẩu gạo mà còn xuất khẩu thịt bò và một số rau quả. Tại Malaixia, quốc gia ở ASEAN, đã ứng dụng nông nghiệp thông minh, có thể giúp nông dân trồng ớt tăng thu nhập hơn gấp đôi (+129%). Philipin, một nước đang phải nhập khẩu hơn 2 triệu tấn ngô mỗi năm từ 5-10 năm trước, thì năm 2017 tuyên bố đạt hơn 8 triệu tấn ngô, trong khi nhu cầu chỉ cần 5,6 triệu tấn, chủ yếu nhờ tăng sử dụng giống ngô lai và công nghệ tưới bằng năng lượng mặt trời...

Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ khẳng định: *“Phát triển nông nghiệp 4.0 là xu hướng tất yếu trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng. Việt Nam không thể đứng ngoài làn sóng này”*. Để thực hiện hiệu quả nền nông nghiệp 4.0, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ đề nghị Diễn đàn tập trung làm rõ thực trạng và xác định vị trí của nông nghiệp Việt Nam trong bức tranh tổng thể toàn cầu, khu vực; phân tích, đánh giá, làm rõ hiệu quả và những khó khăn vướng mắc về cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Bên cạnh đó, các đại biểu xác định rõ những kinh nghiệm quốc tế về phát triển nông nghiệp 4.0 và thực tiễn ở Việt Nam, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Việt Nam cần tầm nhìn tổng thể phát triển nông nghiệp, định hướng ứng dụng công nghệ cao và phát triển nông nghiệp 4.0.

Theo các chuyên gia, cả thế giới và Việt Nam đang ở trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn gọi là công nghiệp 4.0, sẽ biến đổi cách sống, làm việc và giao tiếp của toàn nhân loại theo cách hoàn toàn mới. Đối với lĩnh vực nông nghiệp nói

riêng, bản chất của Cách mạng công nghiệp 4.0 chính là áp dụng thành tựu công nghệ, thay đổi phương thức sản xuất, làm việc trên những cánh đồng bằng phương pháp điều khiển từ xa..., để tối ưu hoá quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng nông sản, cải thiện đời sống và làm giàu cho người nông dân. Diễn đàn lần này là cơ hội mở cho sự đối thoại giữa bốn nhà: nhà nông, người làm chính sách, chuyên gia và doanh nghiệp để trả lời những thắc mắc trên, đồng thời tìm hướng giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình ứng dụng nông nghiệp 4.0 vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp của nông dân.

Hiện nay, cả nước đang có 13,8 triệu hộ nông dân với 78 triệu mảnh ruộng nhỏ lẻ. Muốn phát triển nông nghiệp thành công, phải tái cơ cấu lại nền nông nghiệp và một trong các giải pháp đó là đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng cuộc cách mạng 4.0.

Hội thảo “Rà soát hàng hóa nhóm 2 và văn bản quy phạm pháp luật về thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu”



Từ ngày 11-13/10/2017, Bộ Khoa học và Công nghệ cùng 12 bộ, ngành liên quan tổ chức Hội thảo “Rà soát hàng hóa nhóm 2 và văn bản quy phạm pháp luật về thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu”, nhằm tiến hành rà soát để thực hiện mục tiêu loại bỏ ít nhất 50% số mặt hàng trong danh mục hàng hóa nhóm 2 thuộc diện phải kiểm tra nhà nước trước khi thông quan.

(Theo NASATI) - Từ ngày 11-13/10/2017 tại Vĩnh Phúc, thực hiện yêu cầu của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ cùng 12 bộ, ngành liên quan tổ chức Hội thảo “Rà soát hàng hóa nhóm 2 và văn bản quy phạm pháp luật về thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu”, nhằm tiến hành rà soát để thực hiện mục tiêu loại bỏ ít nhất 50% số mặt hàng trong danh mục hàng hóa nhóm 2 thuộc diện phải kiểm tra nhà nước trước khi thông quan.

Ngày 9/8/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 75/NQ-CP, trong đó giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát và loại bỏ ít nhất 50% số mặt hàng trong danh mục hàng hóa nhóm 2 thuộc diện phải kiểm tra nhà nước trước khi thông quan của 12 bộ chuyên ngành. Cũng trong Nghị quyết này, Chính phủ giao các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế rà soát, cắt giảm thủ tục kiểm tra chuyên ngành với mục tiêu giảm tỷ lệ các lô hàng nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành tại giai đoạn thông quan từ 30 - 35% hiện nay xuống 15%.

Trong tháng 8/2017, Văn phòng Chính phủ cũng có văn bản truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ về tăng cường thực hiện các nhiệm vụ cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhóm 2. Hàng hóa nhóm 2 là các sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng... Tuy nhiên hiện danh mục các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được các bộ ngành quy định quá rộng, nhiều mặt hàng không thực sự có nguy cơ gây mất an toàn.

Hiện Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ cũng hết sức quan tâm tới lĩnh vực kiểm

tra chuyên ngành với hàng hóa xuất nhập khẩu. Vừa qua, Tổ công tác đã kiểm tra tại cảng Hải Phòng, Bộ Công Thương, Bộ Y tế và dự kiến sẽ tiếp tục kiểm tra nhiều Bộ khác như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ về vấn đề này.

Triển khai nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, trực tiếp là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL) phối hợp với Dự án Quản trị Nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện (GIG) của Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tổ chức Hội thảo "Rà soát hàng hóa nhóm 2 và các văn bản quy phạm pháp luật về thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu" của các bộ, quản lý ngành, lĩnh vực không phù hợp với Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật, Luật An toàn thực phẩm.

Triển khai Nghị quyết 19, thời gian qua, Bộ KH&CN đã triển khai nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra chuyên ngành đối với các sản phẩm hàng hóa nhóm 2. Cụ thể, Bộ KH&CN ban hành Thông tư 02 với tinh thần làm rõ cách thức công bố hợp quy dựa trên biện pháp tiền kiểm, đặc biệt là biện pháp hậu kiểm để tạo khung pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước có biện pháp quản lý cụ thể cho từng nhóm SPHH do bộ, ngành phụ trách.

Bên cạnh đó, Bộ KH&CN cũng đã ban hành Thông tư số 07/2017/TT-BKH&CN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2012/TT-BKH&CN quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN hướng đến việc kiểm tra ít nhất có thể, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian kiểm tra, chuyển mạnh sang hậu kiểm và giảm tối đa số lượng hàng hóa phải kiểm tra chất lượng tại khâu thông quan, bảo đảm đạt mục tiêu giảm tỷ lệ các lô hàng nhập khẩu phải kiểm tra chất lượng tại giai đoạn thông quan từ 35% hiện nay xuống 15%.



Ông Nguyễn Hoàng Linh - Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng phát biểu tại Hội thảo

Sau lễ khai mạc, ngày họp đầu tiên đã bắt đầu với báo cáo tổng quan chung về tình hình danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của các bộ liên quan của đại diện Tổng cục TTCĐLCL. Tiếp đó, các Bộ: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ trình bày báo cáo tình hình rà soát danh mục sản phẩm hàng hóa nhóm 2 và các văn bản quy phạm pháp luật.

Trong buổi khai mạc sáng 11/10/2017, ông Nguyễn Hoàng Linh - Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng cho biết, tinh thần là các bộ, ngành chung tay tìm giải pháp đổi mới hoạt động kiểm tra chuyên ngành theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP và Nghị quyết số 75/NQ-CP. Đây là dịp để các cơ quan quản lý, hiệp hội ngành nghề cùng thảo luận, đề xuất giải pháp cụ thể nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu thông qua việc giảm tỷ lệ hàng hóa kiểm tra chuyên ngành trước thông quan từ 35% xuống 15% và sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật còn chồng chéo, bất cập, không phù hợp với Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật An toàn Thực phẩm... theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ.

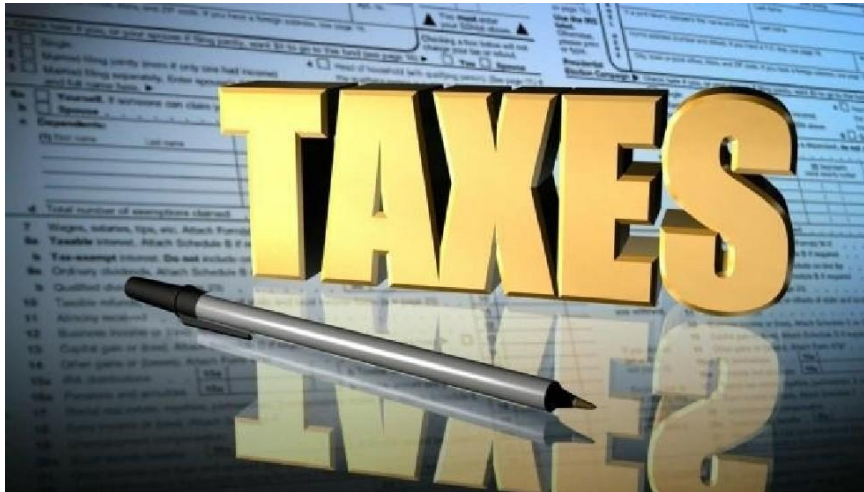
Tại Hội thảo, nhiều chuyên gia cho rằng cần từng bước tìm giải pháp và xây dựng cơ chế mềm trong quản lý để doanh nghiệp buộc phải làm đúng. Cụ thể, có những nhóm hàng hóa được loại khỏi danh mục kiểm tra nhưng nếu sau một thời gian, doanh nghiệp không chấp hành nghiêm túc (trong phạm vi ngắn), các cơ quan quản lý nhà nước có thể điều chỉnh.

Ngày 12/10/2017, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ báo cáo tình hình rà soát.

Trong ngày cuối cùng của Hội thảo ngày 13/10/2017, các đại biểu sẽ nghe trình bày báo cáo tình hình rà soát của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đặc biệt, trong mỗi ngày họp, sau phần trình bày của các Bộ, ngành liên quan về tình hình rà soát sẽ là phần thảo luận mở rộng có ý kiến của tất cả các bộ, ngành khác có liên quan, các tham luận, đóng góp từ hiệp hội, chuyên gia.

Căn cứ xác định thời gian ưu đãi thuế, miễn giảm thuế cho dự án công nghệ cao



Sau khi nhận được ý kiến phản ánh vướng mắc Công ty kính nể Viglacera về việc xác định thời gian ưu đãi thuế, miễn giảm thuế cho dự án công nghệ cao, ngày 4/10/2017, Cục Thuế Bình Dương đã có Công văn số 17245/CT-TT&HT hướng dẫn cụ thể.

(Theo mof.gov.vn) - Sau khi nhận được ý kiến phản ánh vướng mắc Công ty kính nể Viglacera về việc xác định thời gian ưu đãi thuế, miễn giảm thuế cho dự án công nghệ cao, ngày 4/10/2017, Cục Thuế Bình Dương đã có Công văn số 17245/CT-TT&HT hướng dẫn cụ thể.

Theo đó, điểm b, khoản 3 Điều 58 Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 của Quốc hội quy định, doanh nghiệp (DN) khoa học và công nghệ được hưởng chính sách ưu đãi về thuế TNDN, miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

Khoản 2, Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định, chính sách ưu đãi đối với DN khoa học và công nghệ được hưởng chế độ miễn, giảm thuế thu nhập DN (TNDN) như DN đầu tư vào khu CNC theo quy định của pháp luật về thuế TNDN và các văn bản pháp luật có liên quan.

Khoản 7, khoản 8 Điều 1 Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 quy định: Thu nhập của DN từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ cao (CNC), thu nhập của DN từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, được miễn thuế tối đa không quá 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 9 năm tiếp theo.

Điểm 3, khoản 8, Điều 1 Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 quy định: Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của DN từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với DN CNC, DN nông nghiệp ứng dụng CNC

quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 của Luật này được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận là DN CNC, DN nông nghiệp ứng dụng CNC.

Theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính, dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế TNDN quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP là: Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu từ ngày 01/01/2014 và phát sinh doanh thu của dự án đó sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư; Dự án đầu tư độc lập với dự án DN đang hoạt động có Giấy chứng nhận đầu tư từ ngày 01/01/2014 để thực hiện dự án đầu tư độc lập này.

Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Trong khi đó, khoản 5, Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: Trường hợp trong kỳ tính thuế đầu tiên mà dự án đầu tư của DN có thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế dưới 12 tháng, DN được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư ngay từ kỳ tính thuế đầu tiên đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được hưởng ưu đãi thuế từ kỳ tính thuế tiếp theo. Trường hợp DN đăng ký thời gian ưu đãi thuế vào kỳ tính thuế tiếp theo thì phải xác định số thuế phải nộp của kỳ tính thuế đầu tiên để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Khoản 8, Điều 1 Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV của Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BKHCN-BTC-BNV hướng dẫn thực hiện Nghị định số 80/2007/NĐ-CP của Chính phủ về DN khoa học và công nghệ quy định: “DN KH&CN được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo hướng dẫn tại điểm 1.2, khoản 1, mục III Thông tư liên tịch này nếu đáp ứng điều kiện: DN KH&CN có tỷ lệ doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trên tổng doanh thu của DN trong năm thứ nhất đạt từ 30% trở lên, năm thứ hai đạt từ 50% trở lên và từ năm thứ ba trở đi đạt từ 70% trở lên. Năm thứ nhất được hiểu là năm đầu tiên DN KH&CN có thu nhập chịu thuế”.

Bên cạnh đó, căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 06/2016/TT-KHCNBXD của Bộ Xây dựng; Căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 4 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày của Bộ Tài chính; Căn cứ điểm d.2, khoản 1, Điều 35 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày của Bộ Tài chính và các quy định nêu trên, trường hợp nếu dự án dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng của Công ty là dự án mới, độc lập, đã được Bộ KH&CN cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng CNC và thu nhập từ dự án dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng nêu trên của Công ty chưa được hưởng ưu đãi thuế TNDN, đồng thời nếu doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN nêu trên của Công ty đáp ứng điều kiện tại khoản 8, Điều 1 Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV thì Công ty được hưởng ưu đãi bằng mức ưu đãi áp dụng cho DN CNC, DN nông nghiệp ứng dụng CNC quy định tại khoản 1, Điều 15 và khoản 1, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.



Cụ thể, thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Theo phản ánh của Công ty kính nổi Viglacera, giai đoạn từ 18/07/2016 đến 30/06/2017, Công ty chưa ghi nhận dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng là tài sản cố định mà dự án thực hiện chạy thử nghiệm toàn bộ thiết bị, sản xuất thử nghiệm để nghiệm thu dây chuyền sản xuất chính và có phát sinh doanh bán sản phẩm chạy thử (phát sinh lãi khoản 1 tỷ đồng). Nếu Công ty đã giảm trừ giá trị sản phẩm chạy thử thu hồi được trong tổng giá trị quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành thì doanh thu từ việc bán sản phẩm chạy thử nêu trên không phải là doanh thu của dự án.

Do đó, thời điểm áp dụng thuế suất ưu đãi sẽ được tính từ năm dự án đầu tư mới của Công ty (dự án dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng) đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và có doanh thu (năm 2017), đồng thời thời điểm hưởng ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế được xác định kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của Công ty có thu nhập chịu thuế.

Trường hợp trong kỳ tính thuế đầu tiên mà dự án đầu tư của Công ty có thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế dưới 12 tháng, Công ty được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư ngay từ kỳ tính thuế đầu tiên đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được hưởng ưu đãi thuế từ kỳ tính thuế tiếp theo. Trường hợp Công ty đăng ký thời gian ưu đãi thuế vào kỳ tính thuế tiếp theo thì phải xác định số thuế phải nộp của kỳ tính thuế đầu tiên để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Tin khoa học

Hợp chất mới có thể tiêu diệt các tế bào ung thư mà không làm tổn thương các tế bào khỏe mạnh



Các nhà nghiên cứu thuộc Đại học Y khoa Albert Einstein, Hoa Kỳ đã tiến hành thử nghiệm phân tử có tên gọi là BAX Trigger Site Activator 1 trên các tế bào ung thư bạch cầu tủy cấp tính và cho biết nó có thể trực tiếp làm chết các tế bào ung thư mà không gây tổn hại các tế bào khỏe mạnh.

Các nhà khoa học đã phát triển được một phân tử nhỏ có thể trực tiếp làm chết các tế bào ung thư mà không gây tổn hại các tế bào khỏe mạnh.

Trong tạp chí *Cancer Cell*, các nhà nghiên cứu thuộc Đại học Y khoa Albert Einstein, Bronx, NY đã thuyết minh cách thức họ đã tiến hành thử nghiệm phân tử có tên gọi là BAX Trigger Site Activator 1 (BTSA1) này trên các tế bào ung thư bạch cầu tủy cấp tính (AML).

Nhóm nghiên cứu nhận thấy, BTSA1 đã kích thích và thúc đẩy nhanh chóng tế bào có tên là các apoptosis có ở trong các dòng tế bào AML và các mẫu bệnh phẩm tủy hủy diệt chính nó. Apoptosis là một quá trình thiết yếu mà thông qua đó tự cơ thể loại bỏ những tế bào không còn cần thiết, hoặc các tế bào bị tổn thương, sai hỏng. Ví dụ, khi phôi phát triển, apoptosis giúp cắt bỏ các mô thừa. Hiện nay có một số loại thuốc hóa trị liệu hoạt hóa apoptosis một cách gián tiếp khi chúng phá hủy ADN bên trong các tế bào ung thư.

Cần sớm tạo ra các liệu pháp điều trị chống ung thư mới



Hiện nay, rất cần có nhiều phương pháp điều trị hiệu quả AML hơn bởi AML là một dạng bệnh bạch cầu, nó đã giết chết hơn 10.000 người ở Hoa Kỳ mỗi năm, và tỷ lệ sống sót 5 năm chỉ ở mức khoảng 30% trong nhiều thập kỷ.

Đối tượng trong nghiên cứu này đề cập cụ thể đến AML, do đó nhóm nghiên cứu tin rằng cách tiếp cận này có thể áp dụng cho các loại ung thư khác.

Tác giả chính của nghiên cứu, giáo sư sinh hóa và y học, Evripidis Gavathiotis, cho biết, ông hy vọng rằng các hợp chất nhắm đích mà đang được nhóm nghiên cứu phát triển sẽ cho thấy khả năng chống ung thư hiệu quả hơn so với các liệu pháp chống ung thư hiện có khi trực tiếp làm cho các tế bào ung thư tự tiêu nó tiêu diệt chính nó.

Vào năm 2008, Giáo sư Gavathiotis tham gia vào nhóm nghiên cứu và lần đầu tiên đã mô tả được cấu trúc và hình dạng của các phân tử mới có khả năng nhắm đích mới được tìm ra này.

“Protein hành hình”

Mục tiêu của phân tử có tên gọi là BAX mới này là “xây dựng căn cứ” trên "protein hành hình" nào đó bên trong các tế bào. Khi được hoạt hóa, các protein BAX lũ lượt kéo đến các nhà máy năng lượng của tế bào hoặc các ty nập thể, và đục lỗ trong màng tế bào của chúng, giết chết các tế bào một cách hiệu quả .

Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, các tế bào ung thư có thể lẫn tránh được tác động này và sống sót được bởi vì chúng đã tạo ra được rất nhiều protein kháng apoptosis mà có thể ức chế BAX và các phân tử kích hoạt nó.

Kể từ khám phá ban đầu về “căn cứ của BAX” , Giáo sư Gavathiotis và các cộng sự đã nỗ lực tìm kiếm các hợp chất có khả năng kích hoạt protein hành hình này theo cách mà có thể phá hủy khả năng kháng cự apoptosis của các tế bào ung thư. Bằng ứng dụng máy điện toán, họ đã sàng lọc hơn một triệu hợp chất để tìm ra một vài hợp chất có thể có khả năng liên kết với căn cứ của BAX. Nhóm nghiên cứu đã tìm ra được khoảng 500 hợp chất rất hứa hẹn, nhiều trong số đó đã được chính các nhà nghiên cứu tự tổng hợp. Nhóm nghiên cứu đã đánh giá các hợp chất tiềm năng này và phát hiện ra rằng BTSA1 là hợp chất kích hoạt BAX mạnh mẽ nhất.

“Nó đã khiến các apoptosis tăng nhanh chóng và phát triển mạnh khi bổ sung vào thêm 7 dòng tế bào AMK khác của người”, Denis Reyna, một nghiên cứu sinh bậc tiến sĩ thuộc nhóm GS. Gavathiotis, cho biết.

Khi họ tiến hành thử nghiệm BTSA1 trong các mẫu máu của những bệnh nhân có AML nguy cơ cao, họ phát hiện ra rằng nó kích hoạt apoptosis trong tế bào AML nhưng mà không gây tổn hại cho các tế bào gốc tạo máu khỏe mạnh.

“Không thấy dấu hiệu độc hại”

Nhóm nghiên cứu sau đó đã kiểm tra những ảnh hưởng của BTSA1 trong mô hình chuột bị mắc AML (cấy ghép các tế bào AML vào chúng). Họ phát hiện ra rằng chuột được điều trị bằng BTSA1 sống lâu hơn nhiều (55 ngày) so với những con chuột đối

chứng chưa được điều trị (40 ngày). Trên thực tế, 43% chuột được điều trị vẫn sống sau 60 ngày và không có dấu hiệu AML.

Một kết quả quan trọng của nghiên cứu là những con chuột được điều trị không có dấu hiệu độc tính. Nhóm nghiên cứu cũng đã phát hiện ra rằng, so với các tế bào máu khỏe mạnh từ những người không mắc bệnh, các tế bào AML từ bệnh nhân có mức BAX cao hơn nhiều.

Bước tiếp theo, nhóm nghiên cứu sẽ tiến hành khảo sát ảnh hưởng của BTSA1 đối với mô hình động vật của các loại ung thư khác.

*P.T.T (NASATI), theo <https://www.medicalnewstoday.com/articles/319682.php>,
9/10/2017*

Hạt nano kích hoạt ánh sáng tăng nạp cho kháng sinh



Trong một nghiên cứu mới của các nhà khoa học tại Trường Đại học Boulder bang Colorado, các hạt nano kích hoạt bằng ánh sáng, còn được gọi là **chấm lượng tử**, có thể nâng cao hiệu quả của việc điều trị kháng sinh chống lại các loại siêu vi khuẩn kháng thuốc như **E.coli** và **Salmonella**.

Theo nghiên cứu mới của các nhà khoa học tại Trường Đại học Boulder bang Colorado, các hạt nano kích hoạt bằng ánh sáng, còn được gọi là **chấm lượng tử**, có thể nâng cao hiệu quả của việc điều trị kháng sinh chống lại các loại siêu vi khuẩn kháng thuốc như **E.coli** và **Salmonella**.

Các mầm bệnh kháng đa thuốc có khả năng phòng vệ nhanh hơn tốc độ phát triển các biện pháp điều trị mới, Hoa Kỳ tiêu tốn khoảng 20 tỷ USD cho chi phí chăm sóc sức khỏe trực tiếp và thêm 35 tỷ USD cho năng suất hao hụt trong năm 2013.

Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu ở Đại học Boulder đã có thể nâng cấp các chất kháng sinh hiện có đối với một số bệnh lây nhiễm cách ly lâm sàng bằng cách đưa vào những chấm lượng tử nano, được triển khai một cách có chọn lọc và có thể được kích hoạt hoặc ngưng hoạt động sử dụng các bước sóng ánh sáng cụ thể.

Thay vì tấn công các vi khuẩn lây nhiễm theo cách thông thường, các chấm lượng tử tiết ra superoxide, một loại hóa học gây cản trở quá trình trao đổi chất và tế bào của vi khuẩn, gây ra phản ứng chiến đấu tự nhiên làm cho nó nhạy hơn với kháng sinh thông thường.

Các phát hiện đã chỉ ra rằng những chấm này đã làm giảm khả năng kháng thuốc kháng sinh hiệu quả của các bệnh lây nhiễm cách ly lâm sàng xuống 1.000 lần mà không gây ra những phản ứng phụ bất lợi.

Các phương pháp điều trị kháng sinh trước đây tấn công vi khuẩn không phân biệt, nhưng các chấm lượng tử có lợi thế là hoạt động có chọn lọc ở cấp độ nội bào. Ví dụ, *Salmonella* có thể phát triển và sinh sản bên trong tế bào chủ, và các chấm lượng tử đủ nhỏ để vào được bên trong và tiêu diệt vi khuẩn từ bên trong.

Nhìn chung, lợi thế quan trọng nhất của công nghệ chấm lượng tử là nó cung cấp cho các bác sĩ lâm sàng một phương pháp tiếp cận đa diện có khả năng thích ứng để chống lại các bệnh lây nhiễm đang gây khó khăn cho các phương pháp điều trị hiện tại.

Theo các nhà nghiên cứu, chấm lượng tử là một công nghệ nền tảng có thể được nâng quy mô và thay đổi để chống lại một loạt các bệnh lây nhiễm và có khả năng mở rộng sang các ứng dụng điều trị khác.

*N.K.L (NASATI), theo
<https://www.sciencedaily.com/releases/2017/10/171004142650.htm>, 5/10/2017*



Phương pháp mới thúc đẩy protein cho ngô



Các nhà khoa học Hoa Kỳ đã tìm ra một phương pháp mới, biến đổi gen ngô để sản xuất axit amin có trong thịt, tăng giá trị dinh dưỡng cho ngô, một trong những cây trồng quan trọng nhất trên thế giới. Phát hiện này có thể đem lại lợi ích cho hàng triệu người ở các nước đang phát triển, những người phụ thuộc vào ngô làm lương thực, và có thể giảm chi phí thức ăn chăn nuôi.

Các nhà khoa học Hoa Kỳ đã tìm ra một phương pháp mới, biến đổi gen ngô để sản xuất axit amin có trong thịt, tăng giá trị dinh dưỡng cho ngô, một trong những cây trồng quan trọng nhất trên thế giới. Quá trình này liên quan đến việc đưa một gen vi khuẩn ngô tạo ra methionine, là chất dinh dưỡng quan trọng cho sức khỏe của da, móng tay và tóc. Các nhà nghiên cứu cho biết phát hiện này có thể đem lại lợi ích cho hàng triệu người ở các nước đang phát triển, những người phụ thuộc vào ngô làm lương thực, và có thể giảm chi phí thức ăn chăn nuôi.

Đồng tác giả Thomas Leustek - Giáo sư tại Đại học Rutgers cho biết: "*Chúng tôi đã cải tiến giá trị dinh dưỡng của ngô, hầu hết ngô được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, nhưng nó thiếu methionine-loại axit amin quan trọng và chúng tôi tìm ra cách hiệu quả để thêm nó. Lưu huỳnh trong methionine "bảo vệ tế bào khỏi các chất gây ô nhiễm, làm chậm quá trình lão hóa của tế bào và là điều cần thiết để hấp thụ selen và kẽm".*

Các ngành công nghiệp đã chi hàng tỷ đô-la để bổ sung methionine tổng hợp vào hạt giống ngô, không chứa amino axit tự nhiên, để giúp gia súc phát triển. Joachim Messing-Giáo sư ở Viện Vi trùng học Waksman, nói đây là một "*quá trình tốn kém, tiêu tốn nhiều năng lượng*". Phương pháp mới liên quan đến việc đưa một gen vi khuẩn E. coli vào bộ gen của cây ngô. Enzyme E. coli gây ra sự sản sinh methionine trong lá cây, và methionine trong hạt ngô tăng 57%. Quá trình này không ảnh hưởng đến tăng trưởng thực vật.

Thomas Leustek cho biết: "*Giống ngô biến đổi gen mà chúng tôi nghiên cứu, đã được thử nghiệm cho gà, đã cho thấy nó có chất dinh dưỡng. Về nguyên tắc, công nghệ này có thể được triển khai nhanh chóng trong vòng vài năm tới và có thể dễ dàng đưa*

vào các giống ngô thương mại. Nhưng trở ngại chính sẽ là trở ngại về mặt pháp lý vì nó là một công nghệ biến đổi gen”.

Thức ăn và thức ăn gia súc có chứa sinh vật biến đổi gen đang có nhiều tranh cãi trong Liên minh Châu Âu, giữa những nghi ngờ của công chúng rằng chúng có ảnh hưởng đến sức khỏe. Một nghiên cứu của năm 2016 về các tài liệu khoa học sẵn có của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ đã không tìm thấy bằng chứng nào cho thấy cây trồng biến đổi gen không an toàn để ăn. Và nghiên cứu mới này cũng nhận thấy rằng có thể trồng ngô có chứa axit amin này mà không cần sử dụng kỹ thuật di truyền.

Đ.T.V (NASATI), theo <https://japantoday.com/category/tech/us-scientists-engineer-corn-to-boost-protein>, 11/10/2017

Hợp tác công-tư phục vụ đổi mới sáng tạo nông nghiệp



Các dự án hợp tác công-tư (PPP) được sử dụng rộng rãi để phát triển cơ sở hạ tầng và bây giờ đã trở thành một phương thức ngày càng phổ biến để cung cấp các dịch vụ công khác nhau ở các nước OECD và các nền kinh tế mới nổi cũng như đang phát triển. Kết quả là kinh nghiệm từ một phạm vi rộng các dự án PPP đã được tích lũy và nhiều bài học đã được rút ra từ các nghiên cứu và kinh nghiệm của các nước.

Dựa trên sự xem xét sâu về kinh nghiệm các nước thành viên được lựa chọn, OECD đã phát triển các nguyên tắc quản lý công đối với PPP, xác định các kinh nghiệm thực hành tốt trong việc thiết kế và quản lý PPP trong lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Đổi mới (STI), xem xét các xu hướng gần đây tại các nước OECD, bao gồm cả việc triển khai chiến lược các dự án PPP trong lĩnh vực STI (OECD, 2014). Xét về các loại hình PPP khác nhau, các tổ chức quốc tế khác (ví dụ như Ngân hàng thế giới, UNECE, IFPRI) cũng đã đưa ra các khuyến nghị cho việc lựa chọn và thiết kế PPP.

Định nghĩa PPP cho đổi mới sáng tạo

Có nhiều hình thức PPP tùy thuộc vào loại hình và số lượng các bên tham gia, và cả vào mục đích, phạm vi và thời gian thực hiện dự án. Có một số các định nghĩa khác nhau về PPP và bao gồm các hệ thống phân loại đa dạng, một số liên quan cụ thể đến đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp. Theo nghĩa rộng, PPP được hiểu là thỏa thuận giữa các đối tác nhà nước và tư nhân vì một mục đích chung và chia sẻ rủi

ro. Dưới đây là định nghĩa PPP phục vụ đổi mới sáng tạo được sử dụng tại các nước OECD và mối liên quan giữa PPP với đổi mới sáng tạo nông nghiệp.

Trong các tài liệu của OECD về khoa học, công nghệ và đổi mới, PPP phục vụ đổi mới sáng tạo được định nghĩa là "*bất kỳ hình thức thỏa thuận hợp tác chính thức nào trong một khoảng thời gian cố định hoặc không hạn định giữa các bên tham gia nhà nước và tư nhân, trong đó cả hai bên cùng tương tác trong quá trình ra quyết định và cùng đầu tư các nguồn lực khan hiếm như tiền bạc, nhân sự, phương tiện, và thông tin nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới*". Để phân biệt PPP với hợp đồng nghiên cứu thuần túy hoặc mua sắm các dịch vụ và trang thiết bị, có đặc điểm bổ sung đó là các nỗ lực nghiên cứu hợp tác hoặc đổi mới này được thực hiện chung, đồng tài trợ bởi các đối tác nhà nước và tư nhân, và có hoặc không được thể chế hoá trong một thực thể lựa chọn.

Có sự khác biệt lớn giữa các hình thức PPP cho đổi mới, từ mối quan hệ hợp đồng song phương hoặc đa phương với nhiều thành viên và các bên liên quan tham gia, điều này có thể trùng lặp với các hình thức hợp tác nghiên cứu giữa các tổ chức (ví dụ như các trung tâm nghiên cứu). Về mặt tổ chức, các hình thức PPP có thể là từ các dự án quy mô nhỏ (tạm thời), thường là quan hệ hợp tác giữa ngành công nghiệp - trường đại học hoặc thậm chí ở mức độ cá nhân (ví dụ như tư vấn học thuật) đến các dự án quy mô lớn, có độ rủi ro và chi phí cao. PPP trong lĩnh vực STI ngày càng sử dụng các dự án đa ngành, mang tính chiến lược, lâu dài, quy mô lớn, liên quan đến nhiều bên tham gia khác nhau.

Định nghĩa của OECD về PPP phục vụ đổi mới sáng tạo phù hợp với mục đích nghiên cứu PPP cho đổi mới sáng tạo nông nghiệp. Nhưng một vấn đề cụ thể của ngành, mà không liên quan đến bản chất của PPP đó là việc xác định ranh giới đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, căn cứ vào các mối liên kết với các lĩnh vực nghiên cứu khác như khoa học xã hội, công nghệ Thông tin và Truyền thông (ICT), công nghệ sinh học, công nghệ nano, sinh thái học, quản lý nước, khí hậu học và sức khỏe.

So với PPP phục vụ đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực khác, PPP phục vụ đổi mới nông nghiệp có thể bao gồm một phạm vi rộng của các thành phần tham gia: cơ quan chính phủ, các tổ chức giáo dục, các lĩnh vực công nghiệp xuôi và ngược dòng, các tổ chức phi chính phủ (NGO), các nhà tư vấn và các tổ chức nông dân, họ mang đến các kỹ năng khác nhau, nhưng cũng có năng lực rất khác nhau. Sự tham gia của nông dân đang ngày càng tăng, nhưng cũng làm nảy sinh những thách thức cụ thể. PPP vì mục đích đổi mới sáng tạo nông nghiệp thường được sử dụng cho nghiên cứu tiền cạnh tranh, cung cấp hàng hoá và dịch vụ công, và để tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng đổi mới.

Hợp tác công-tư cho đổi mới sáng tạo nông nghiệp

Trong bảng thuật ngữ của Hartwich et al. (2007), PPP trong nghiên cứu và đổi mới sáng tạo nông nghiệp được định nghĩa là "*các cơ chế hợp tác trong đó các tác nhân tham gia trong các lĩnh vực nghiên cứu và thuộc khu vực tư nhân chia sẻ các nguồn lực và rủi ro, và tạo ra sự đổi mới sáng tạo vì sự phát triển của ngành nông nghiệp, bao gồm các lĩnh vực chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản. Các đối tác tiềm năng bao gồm*



các viện nghiên cứu, trường đại học, và các cơ quan khuyến nông thuộc khu vực công, các hiệp hội nhà sản xuất, các doanh nghiệp, và các nhà sản xuất cá nhân thuộc khu vực tư nhân. Thông thường, ở các nước kém phát triển, mối quan hệ hợp tác này được hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức hợp tác quốc tế".

Theo Hartwich et al. (2005) thông thường PPP đòi hỏi các mục tiêu chung, hợp tác tích cực, những đóng góp tương hỗ và bổ sung cho nhau từ các đối tác, và cam kết mở ra các mối quan hệ tuân theo tiêu chí công bằng và các quy định thoả thuận rõ ràng.

Van der Meer (2002) định nghĩa PPP phục vụ nghiên cứu nông nghiệp là việc tổng hợp các nguồn lực công và tư với mục đích cung cấp giá trị gia tăng cho cả hai bên, khu vực tư nhân bao gồm cả các công ty địa phương và đa quốc gia cũng như nông dân và các hiệp hội của họ. Ông đã chỉ ra các điểm sau đây:

- Cả hai bên đều phải mang đến một số nguồn lực để hợp tác, có giá trị cho bên kia và vì lợi ích chung. Đó có thể là thông tin, nguồn nhân lực chuyên ngành, nguồn gen, kinh phí hoặc các phương tiện nghiên cứu.
- Cả hai bên cần có một mối quan tâm trùng lặp. Điều này không có nghĩa là mục tiêu hoặc kết quả đầu ra cần phải giống nhau đối với mỗi khu vực - khu vực tư nhân có thể nhằm vào việc gia tăng thị phần trong khi khu vực công có thể muốn đạt được sự tiến bộ trong phát triển nông thôn bền vững.
- Cả hai bên đều kỳ vọng vào một số lợi ích thực sự - một điều mà họ không thể đạt được theo cách rẽ, nhanh hoặc hiệu quả như vậy nếu như họ thực hiện riêng lẻ một mình.

Trong nguồn tài liệu của Ngân hàng Thế giới về các Hệ thống đổi mới sáng tạo nông nghiệp (World Bank, 2012), PPP được định nghĩa là những thỏa thuận để mang lại các kỹ năng bổ sung của khu vực công và tư nhân cho một chương trình hay dự án, trong đó mỗi đối tác có một mức độ tham gia và trách nhiệm khác nhau, với mục tiêu cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ công.

Phân loại PPP phục vụ đổi mới sáng tạo

Có một số phân loại PPP được đề xuất dựa vào mục đích, mức độ thể thức, các quy định thể chế hay loại hình thành phần tham gia, mặc dù khả năng sự phân loại này có thể giúp phân tích hoạt động chức năng PPP và rút ra các bài học về điều kiện thành công không phải lúc nào cũng rõ ràng. Ví dụ, loại hình PPP vì mục đích đổi mới nông nghiệp theo Hartwich et al. (2005) đề xuất được dựa trên ba tiêu chí: bản chất của nghiên cứu (cơ bản, chiến lược hoặc thích nghi), bộ phận trong chuỗi thực phẩm (đầu vào, sản xuất cấp một, sau thu hoạch) và mức độ tham gia của khu vực tư nhân.

Ngân hàng Thế giới (2012) phân biệt PPP dựa vào phạm vi: PPP được thực hiện thông qua các dự án phát triển riêng lẻ, với một kết quả hay dịch vụ được dự kiến tương đối rõ ràng và cụ thể, trong đó đối tác tư nhân cung cấp bí quyết và giải pháp kỹ thuật; PPP được sử dụng để tạo ra ý tưởng và sáng kiến, trong đó khu vực công xác định các lĩnh vực và mục tiêu cụ thể (ví dụ như tăng trưởng nông nghiệp), và các

liên minh chiến lược thường liên quan đến sự hợp tác lâu dài (mười năm hoặc hơn), với sự tham gia của các công ty đa quốc gia, hoặc nhóm các công ty (ví dụ như việc giới thiệu các tiêu chuẩn tối thiểu về xã hội và môi trường liên quan đến các nông sản hoặc lâm sản).

OECD phân biệt bốn loại hình PPP cho đổi mới dựa trên mục đích và sự phù hợp với các biện pháp chính sách đổi mới sáng tạo chính:

- PPP định hướng nhiệm vụ phù hợp với mua sắm công;
- PPP định hướng thị trường liên quan đến trợ cấp R & D doanh nghiệp;
- PPP định hướng mối quan hệ công nghiệp-khoa học để thực hiện R & D công cộng; và
- PPP định hướng cụm/mạng lưới nhằm hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho R & D doanh nghiệp (OECD, 2004).

Bốn loại PPP trên bao trùm một phạm vi rộng các dự án PPP cho đổi mới nông nghiệp: PPP để phát triển các công nghệ có thể được coi là định hướng nhiệm vụ; PPP để phát triển chuỗi giá trị thuộc loại định hướng thị trường. PPP cho R & D nông nghiệp thuộc loại định hướng mối quan hệ công nghiệp - khoa học; và PPP để phát triển các mạng lưới thuộc loại định hướng cụm/mạng lưới.

Cả định nghĩa và sự phân loại của OECD về PPP phục vụ đổi mới sáng tạo đều phù hợp với mục đích nghiên cứu PPP cho đổi mới nông nghiệp. Về định nghĩa, một vấn đề không liên quan đến PPP, đó là việc xác định ranh giới của đổi mới nông nghiệp, đứng trước các mối liên kết với các lĩnh vực nghiên cứu khác như công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT), công nghệ sinh học, công nghệ nano, sinh thái học, khí hậu học...

NASATI (theo Public-Private Partnerships for Agricultural Innovation: Lessons From Recent Experiences", OECD)

Lâm Đồng sẽ có nhiều trang trại dùng công nghệ kết nối vạn vật IoT



Tại Việt Nam đã có khá nhiều trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng IoT trong nông nghiệp thông minh và đơn vị cung cấp dịch vụ này. Đây là những cơ sở hạ tầng quan trọng để Việt Nam tiến hành nông nghiệp 4.0 với thời gian ngắn trong tương lai.

Tại Việt Nam đã có khá nhiều trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng IoT trong nông nghiệp thông minh và đơn vị cung cấp dịch vụ này. Đây là những cơ sở hạ tầng quan trọng để Việt Nam tiến hành nông nghiệp 4.0 với thời gian ngắn trong tương lai.

Dấu ấn Cầu Đất Farm

Qua nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay có khoảng 8 nhà cung cấp giải pháp IoT chính thức như: Công ty cổ phần Dịch vụ công nghệ IoT - IoT Group; Công ty Công nghệ DTT; Tập đoàn FPT; Công ty Konexy; Công ty Hachi... Việc ứng dụng IoT cho nông nghiệp giúp người nông dân tăng năng suất, giảm chi phí và tránh rủi ro vụ mùa. Qua đó, giúp phát triển nông nghiệp sạch, an toàn và bền vững. Tuy nhiên, hiện nay chi phí ban đầu để thực hiện giải pháp IoT khá cao, bởi chưa có doanh nghiệp (DN) nào sản xuất các thiết bị phần cứng nên chủ yếu phải nhập từ Isreal, Nhật Bản, Thái Lan và Đài Loan.

Hiện cả nước có khoảng 30 trang trại/DN ứng dụng IoT. Riêng ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay có 15 trang trại/DN ứng dụng IoT, song chủ yếu ứng dụng ở các trang trại trồng rau, hoa, dâu tây với doanh thu từ 5-8 tỷ đồng/ha/năm, nhưng quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ. Các DN điển hình như: Công ty cổ phần Chè Cầu Đất Đà Lạt, Công ty TNHH Long Đình, Công ty TNHH Trường Hoàng, Công ty TNHH Trang trại Langbiang, Công ty cổ phần sinh học Rừng hoa Đà Lạt, Công ty TNHH Đà Lạt GAP, trang trại Định farm, trang trại Vương Đình Phi...

Đặc biệt Cầu Đất Farm bắt đầu sản xuất nông sản sạch từ 2 năm trước bằng phương pháp thủy canh trên một hệ thống nhà vườn rộng 7ha. Toàn bộ hệ thống nhà vườn do nhân viên của Cầu Đất Farm lắp ráp, đầu tư hệ thống thông minh quản lý mỗi ha nhà vườn, với kinh phí khoảng 2,7 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, Cầu Đất Farm sở hữu nông trại ở Đà Lạt có quy mô lớn, kết nối hệ thống phát triển rau sạch bằng các giải pháp nông nghiệp thông minh, ứng dụng IoT trong nhiều khâu của quy trình trồng trọt và tiêu thụ lớn nhất Việt Nam.

Toàn bộ hệ thống được thiết kế đồng bộ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cho trang trại như quạt, rèm vách, cắt nắng, bơm tưới, châm dinh dưỡng, điều chỉnh EC và PH; hệ thống camera giám sát 24/24 giờ, để ghi lại hình ảnh cây trồng, giám sát quy trình chăm sóc, phát triển của cây.

Hỗ trợ khởi nghiệp nông nghiệp thông minh

Qua phân tích nêu trên cho thấy hạ tầng cung ứng công nghệ và quản trị DN IoT bước đầu đã tiếp cận, là cơ sở quan trọng tiếp tục phát triển để Việt Nam trở thành một trong những quốc gia thành công trong nông nghiệp thông minh 4.0 trong những năm tới. Do đó Chính phủ cần tiếp tục có những chính sách khuyến khích DN các tổ chức và cá nhân huy động các nguồn lực nhằm tạo đột phá nông nghiệp thông minh.

Riêng đối với tỉnh Lâm Đồng, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-TU về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 -2020 và định hướng 2025. UBND tỉnh Lâm Đồng cũng đã ban hành Đề án hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, kèm theo các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp nói chung, trong đó có khởi nghiệp nông nghiệp thông minh. Mức hỗ trợ cho mỗi dự án 50% kinh phí tư vấn dịch vụ đào tạo nguồn nhân lực, sở hữu trí tuệ...; hỗ trợ 50% chi phí áp dụng khoa học công nghệ mới; hỗ trợ 3% lãi suất sau đầu tư (tối đa 36 tháng); hỗ trợ vay vốn Quỹ Hỗ trợ khởi nghiệp, Quỹ Khuyến công... Với những chính sách đó, lãnh đạo tỉnh hy vọng rằng Lâm Đồng sẽ có nhiều trang trại/DN nông nghiệp thông minh 4.0 vào năm 2019.

Theo Dân Việt

Khoa học và công nghệ nội sinh

Nghiên cứu chọn tạo giống vải, nhãn năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ nội tiêu và xuất khẩu ở các tỉnh phía Bắc



Đề tài: Nghiên cứu chọn tạo giống vải, nhãn năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ nội tiêu và xuất khẩu ở các tỉnh phía Bắc

Chủ nhiệm đề tài: TS Ngô Hồng Bình

Cơ quan chủ trì: Viện Nghiên cứu Rau quả, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Năm hoàn thành: 2015

Vải, nhãn được xếp vào nhóm cây ăn quả chủ lực, có quy mô sản xuất lớn so với các loại cây ăn quả khác trong cả nước. Ở phía Bắc, vải, nhãn là cây ăn quả đặc sản, được trồng thành vùng hàng hóa tập trung ở các tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Sơn La, Quảng Ninh. Những năm gần đây, vải, nhãn là loại cây góp phần xoá đói giảm nghèo và từng bước giúp người dân làm giàu; đặc biệt là ở các vùng đồi núi, trung du các tỉnh phía Bắc. Để sản xuất vải, nhãn trở thành hàng hóa, có giá trị kinh tế cao thì cần thiết phải có sự đa dạng về giống, rải vụ thu hoạch, năng suất cao, ổn định và phẩm chất tốt, tuy nhiên, giống chủ yếu hiện nay là giống vải thiều chín chính vụ (khoảng trên 90% so với tổng diện tích vải hiện có). Mặc dù giống có năng suất cao, chất lượng tốt, sản lượng lớn, nhưng thời gian thu hoạch ngắn (chủ yếu tập trung vào tháng 6 dương lịch) nên khó khăn trong bố trí lao động, thời vụ thu hoạch, vận chuyển, bảo quản, chế biến, tiêu thụ, từ đó làm giảm hiệu quả kinh tế của người trồng vải. Về giống nhãn, giống chủ yếu hiện nay là giống chín chính vụ (thu hoạch tập trung vào tháng 8 hàng năm).

Ở phía Bắc, công tác nghiên cứu về giống vải, nhãn từ nhiều năm nay mới chỉ tập trung vào tuyển chọn các dòng/giống tốt trong tự nhiên, việc nghiên cứu tạo giống mới bằng phương pháp lai và đột biến chưa được quan tâm đúng mức.

Vì vậy, việc nghiên cứu chọn tạo các giống vải, nhãn năng suất cao, chất lượng tốt, có thời vụ thu hoạch khác nhau bằng việc kết hợp các phương pháp trên là nhiệm vụ

cần thiết góp phần làm phong phú bộ giống tốt cho sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế cho người trồng vải, nhãn.

Nhằm chọn tạo và phát triển được một số giống vải, nhãn năng suất cao, chất lượng tốt có thời gian thu hoạch khác nhau, thích hợp với điều kiện sinh thái ở một số tỉnh phía Bắc, nhóm nghiên cứu do **TS Ngô Hồng Bình**, Viện Nghiên cứu Rau quả, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đứng đầu đã tiến hành nghiên cứu đề tài: **“Nghiên cứu chọn tạo giống vải, nhãn năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ nội tiêu và xuất khẩu ở các tỉnh phía Bắc”**.

Qua một thời gian triển khai nghiên cứu (2011 - 2015), nhóm nghiên cứu đã thu được các kết quả nghiên cứu như sau:

1. Đã xác định được nhiệt độ thích hợp bảo quản hạt phần một số giống vải, nhãn thí nghiệm (nhiệt độ 4-8 độ C trong 3-5 ngày) và thời điểm lai thích hợp cho các giống vải khoảng 9 - 11 giờ và 15 - 17 giờ (tỷ lệ đậu quả 8,46%); các giống nhãn 9-11 giờ (tỷ lệ đậu quả 31,80%). Từ đó tạo được 9.587 vật liệu vải, nhãn bằng phương pháp lai hữu tính (vải: 2.617 vật liệu; nhãn: 6.970 vật liệu).

2. Bằng phương pháp chiếu xạ đã tạo được 10.846 vật liệu khởi đầu vải, nhãn. Trong đó: 5.042 vật liệu vải (3.303 vật liệu chiếu xạ trên hạt và 1.739 vật liệu chiếu xạ trên chồi); 5.774 vật liệu nhãn (4.063 vật liệu gây đột biến trên hạt và 1.711 vật liệu gây đột biến trên chồi)

3. Từ nguồn vật liệu nhãn tạo được, đã chọn lọc được 06 dòng nhãn lai có khả năng sinh trưởng khỏe và có triển vọng về chất lượng quả, độ Brix và tỷ lệ phần ăn được cao (độ Brix 21,18-23,600Bx, tỷ lệ phần ăn được 65,0-68,7%); khối lượng trung bình 13,6 g/quả, mã quả đẹp (khi chín có quả có màu vàng sáng), cùi quả ráo, dễ tách, hương thơm; đó là các dòng số 3,16,18,29,33 và 36 (NL1.38; NL-3.1; NL3.9, NL-5.37, NL6.6 và NL-6.26).

4. Đã bước đầu chọn được 12 dòng vải, nhãn đột biến có triển vọng về chất lượng quả. Trong đó 7 dòng vải: 2 dòng của giống U Hồng lá vắn dòng 35 (V-UHLV35.18) và dòng 37 (V-UHLV35.4); 5 dòng đột biến giống Yên Hưng dòng 7 (V-YH30.41), dòng 8 (V-YH30.36), dòng 15 (V-YH30.41), dòng 15 (V-YH35.26) và dòng 35 (V-YH35.34) có khối lượng quả khá lớn (đạt từ 25,33-31,67g/quả), lệ phần ăn được đạt 71,21-81,92%). Và đã chọn được 5 dòng nhãn có triển vọng về chất lượng (PHS35.2; PHS 35.5; PHS35.6; PHS35.13; PHS35.14) có chất lượng tốt (độ 0Bx 21,6-230Bx, tỷ lệ phần ăn được >70,0%).

5. Qua điều tra đã thu thập được 10 dòng vải, nhãn ưu tú chín sớm (03 dòng vải và 07 dòng nhãn), các dòng nhãn, vải ưu tú tiếp tục trồng khảo nghiệm tại một số vùng sinh thái. Kết quả đã tuyển chọn được 2 giống vải và 2 giống nhãn:

- Giống vải chín sớm Phúc Hòa: Tại các điểm khảo nghiệm, giống vải Phúc Hòa sinh trưởng khỏe, năng suất cao, ổn định (cây 7 năm tuổi đạt 10,8 - 11,2 tấn/ha, tăng so với đối chứng 120%), quả có khối lượng trung bình đạt 33,5 g/quả, chất lượng tốt độ brix từ 16,5 - 17,9 0Bx. Thời gian thu hoạch khoảng 25/5 (sớm hơn so với giống vải chín chính vụ khoảng 10-15 ngày). Giống vải chín sớm Phúc Hòa đã được Hội đồng

khoa học của Bộ Nông nghiệp và PTNT thông qua và đề nghị Bộ công nhận giống chính thức.

- Giống vải chín sớm PH40: Tại các điểm khảo nghiệm, giống vải chín sớm PH40 sinh trưởng khỏe, khối lượng quả lớn (trung bình 54,86 g/quả), năng suất trung bình 18,5 kg/cây (cây 5 tuổi), cao so với các giống trồng phổ biến tại địa phương khoảng 150-170%. Thời gian thu hoạch khoảng 15/5 (sớm hơn so với giống vải chín chính vụ khoảng 25-30 ngày), mã quả đẹp, chất lượng tốt độ brix đạt 17,5 0Bx, tỷ lệ phần ăn được cao đạt 71,8%. Giống vải chín sớm PH40 đã được Hội đồng khoa học của Bộ Nông nghiệp và PTNT thông qua và đề nghị Bộ công nhận giống chính thức.

- Giống nhãn chín sớm PHS-2: có khả năng sinh trưởng khỏe, năng suất tại các điểm khảo nghiệm đạt trung bình 39,0 kg/cây (cây 8 tuổi), ổn định qua 3 năm theo dõi (2013-2015). Chất lượng tốt, tỷ lệ cùi cao (66,3-66,6%), độ brix 21,10Bx, Thời gian thu hoạch từ 15 - 25/7 (sớm hơn so với giống đối chứng khoảng 20-25 ngày). Hội đồng KH của Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đề nghị Bộ công nhận giống sản xuất thử.

6. Giống nhãn chín muộn HTM2 có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt ở cả 3 điểm khảo nghiệm (Hà Nội, Hưng Yên, Sơn La). Khối lượng quả trung bình lớn (đạt 13,15g/quả), sau trồng 8 - 9 năm, năng suất đạt trung bình 39,0 kg/cây, thời gian thu hoạch từ 25/8 - 15/9 (muộn hơn so với giống đối chứng khoảng 20-25 ngày). Giống cho quả có chất lượng tốt, tỷ lệ cùi cao (68,3-68,7%), độ brix đạt 19,30Bx, cùi giòn, ráo nước. Đây là giống chín muộn nhất so với các giống nhãn chín muộn hiện có ở phía Bắc, vì vậy hiệu quả kinh tế cao. Hội đồng KH của Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đề nghị Bộ công nhận giống chính thức.

Nhóm nghiên cứu cũng có kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT cho tiếp tục đánh giá các vật liệu khởi đầu, các dòng con lai và đột biến đã tạo được và triển khai dự án sản xuất thử nghiệm đối với giống nhãn chín sớm PHS2 và giống vải chín sớm PH40.

Có thể tìm đọc toàn văn Báo cáo kết quả nghiên cứu của Đề tài (Mã số 13037-2016) tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

P.T.T (NASATI)



Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo vào bảo tồn giống gà Hồ ở thôn Lạc Thổ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh



Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo vào bảo tồn giống gà Hồ ở thôn Lạc Thổ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Đào Lệ Hằng

Cơ quan chủ trì: Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Năm hoàn thành: 2015

Ngành chăn nuôi nói chung đang có tiềm năng phát triển khá tốt đóng góp tích cực cho tăng trưởng GDP của ngành nông nghiệp Việt Nam, trong đó phải kể đến vai trò của tập đoàn vật nuôi bản địa. Việc bảo tồn nguồn gen vật nuôi là một trong những giải pháp lâu dài giúp cho việc chuyển đổi nhanh giống vật nuôi phù hợp với môi trường và góp phần đảm bảo cho nền nông nghiệp bền vững.

Ở Việt Nam chăn nuôi gia cầm chiếm vị trí quan trọng trong ngành chăn nuôi. Gà Hồ là giống gà quý có nguồn gốc, xuất xứ từ Lạc Thổ, Thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Gà Hồ không chỉ cho chất lượng thịt thơm ngon mà còn có vóc dáng to khỏe, đẹp, cân đối, dững mãnh nên trước đây gà Hồ được chọn làm vật tiến vua. Tuy nhiên sau nhiều năm không được giữ gìn bảo tồn xứng đáng, cũng như nhiều giống gà bản địa khác gà Hồ chịu sự hủy diệt của thiên nhiên và sự lãng quên của con người do áp lực của cơ chế thị trường từng có những giai đoạn chạy theo năng suất cao, tập trung cho giống ngoại nhập, bỏ bê giống địa phương, sự tích cực lai tạo để có những con lai năng suất cao,... là những nguyên nhân chính làm giống gà Hồ bị giảm số lượng đáng kể và bị lai tạp nhiều.

Trong nhiều năm gần đây, phương pháp TTNT đang trở nên rất ấn tượng bởi hiệu quả của nó đối với công tác nhân giống gia súc, gia cầm. TTNT là một phương pháp hỗ trợ sinh sản, thông qua một số biện pháp kỹ thuật, con người lấy tinh trùng từ con đực để pha chế, bảo quản và bơm vào đường sinh dục (từ cung) của con cái. Lợi ích chính và quan trọng nhất của sử dụng TTNT là nhằm tăng khả năng truyền giống của

con đực, nhân rộng nguồn gen ưu việt, giúp người chăn nuôi sử dụng được con giống chất lượng tốt nhất vì thế có thể giúp tăng nhanh năng suất. Công nghệ TTNT còn nhiều ưu điểm khác như giảm tỷ lệ nhiễm bệnh, tiết kiệm được con giống, góp phần nâng cao chất lượng con giống.

TTNT trên gà Hồ nếu thành công sẽ ngay lập tức khắc phục được hạn chế lớn của giống gà này về khả năng sinh sản, từ đó sẽ góp phần mở ra một hướng đi mới cho ngành chăn nuôi gà nói chung và chăn nuôi gà Hồ nói riêng.

Hiện nay gà Hồ hầu như chưa được nghiên cứu nhiều và sâu rộng như các giống gà khác nhưng về cơ bản cũng đã được nghiên cứu chi tiết về các đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất và lai giống. Trong 20 đề tài đã nghiên cứu về gà Hồ thì 2/3 số đề tài là nghiên cứu về các đặc điểm cơ bản. Do đó, xuất phát từ tình hình thực tế trên, nhóm nghiên cứu do **ThS. Đào Lệ Hằng**, Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã tiến hành nghiên cứu đề tài "**Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo vào bảo tồn giống gà Hồ ở thôn Lạc Thổ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh**" nhằm đánh giá thực trạng chăn nuôi, công tác bảo tồn giống gà Hồ tại quê hương của nó; Đánh giá chất lượng tinh dịch gà Hồ và chọn lọc được các gà Hồ trống hạt nhân, chất lượng cao tham gia vào thụ tinh nhân tạo; Nghiên cứu, xây dựng được quy trình thụ tinh nhân tạo hiệu quả cho gà giống Hồ; Xác định hiệu quả của phương pháp thụ tinh nhân tạo cho gà Hồ so với thụ tinh trực tiếp thông thường.

Các kết quả thu được sau một thời gian triển khai nghiên cứu như sau:

1. Về tình hình chăn nuôi gà Hồ tại thôn Lạc Thổ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Tổng đàn gà hiện là 3.389 con, trong đó gà Hồ thuần là 1.547 con, chiếm 45,65% tổng đàn, tập trung chủ yếu ở Lạc Thổ Bắc (792 con). - Cơ cấu đàn gà Hồ thuần chủ yếu là gà mái (48,22%), gà trống (27,21%), ít nhất là gà hậu bị (11,44%). Gà chủ yếu được bảo tồn theo phương pháp chăn nuôi truyền thống.

2. Về thụ tinh nhân tạo cho gà Hồ

- Gà Hồ có chất lượng tinh dịch rất tốt, hoàn toàn đáp ứng công nghệ thụ tinh nhân tạo.
- Môi trường pha tinh phù hợp nhất là môi trường Loenz.
- Thời điểm khai thác tinh gà Hồ: 15h
- Tần suất khai thác tinh: 3 ngày/lần
- Đã xây dựng được Quy trình TTNT cho gà Hồ: Chọn Gà trống, chọn Gà mái > Khai thác tinh > Bảo quản tinh > Thụ tinh cho gà mái.
- Gà Hồ được sinh ra từ phương pháp thụ tinh nhân tạo không chỉ vẫn đảm bảo độ đồng đều, các đặc điểm đặc trưng của giống, sinh trưởng tốt mà còn có tỷ lệ mắc bệnh thấp hơn so với gà Hồ được sinh ra từ giao phối tự nhiên.



Từ các kết quả thu được này, nhóm nghiên cứu cũng kiến nghị được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện căn cứ khoa học về đặc điểm sinh học của gà Hồ, tinh dịch gà Hồ và được tạo mọi điều kiện để nhanh chóng chuyển giao công nghệ TTNT vào chăn nuôi và bảo tồn gà Hồ theo cách phát triển bền vững.

Có thể tìm đọc toàn văn Báo cáo kết quả nghiên cứu của Đề tài (Mã số 13123-2016) tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

P.T.T (NASATI)